

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2020
*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
giữa bà Tr và ông T”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nga

2- Ông Văn Phú Hiền

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 125/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Mỹ Tr, sinh năm 1990, có mặt

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã CB, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1985, có mặt

Địa chỉ: Số 26/7, ấp VK, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NH.

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailingtower- 111A Pasteur, phường BN, Q1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H. Chức vụ: Giám đốc ủy quyền lại cho ông Lý Xuân Th, ông Nguyễn Quang T, ông Phan Văn P, vắng mặt

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà PaxSky, số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06-8-2019, bản khai ngày 11-9-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hoàng Thị Mỹ Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tr đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Mạnh T tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện CD, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 22-3-2010 (Giấy đăng ký số 27). Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng đi làm ăn xa, không tin tưởng lẫn nhau về chuyện tình cảm, dẫn đến ghen tuông, cãi vã nhau và sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Bà Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mạnh H, sinh ngày 11-3-2011 đang sống cùng bà Tr, nếu ly hôn bà Tr yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 11-9-2019 và ngày 28-11-2019, bà Tr yêu cầu chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 274,4m², thửa số 235, tờ bản đồ số 07, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 604367, ngày 30-11-2012 cho bà Tr, ông T; bà Tr yêu cầu mỗi người trả ½ số tiền vay ngân hàng. Đến ngày 25-12-2019, bà Tr có đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Tại biên bản khai ngày 11-9-2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Mạnh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Hoàng Thị Mỹ Tr trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau trong việc làm ăn, bà Tr gây ra nhiều nợ nần, ông T nghi ngờ bà Tr có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà Tr trình bày là đúng. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng. Tại phiên tòa, ông T đồng ý để bà Tr nuôi con, không cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Ông T yêu cầu bà Tr trả số tiền lãi phạt là 125.000.000đ, do ông T trả dùm cho bà Tr để vay số tiền 900.000.000đ. Tại phiên tòa, ông T không tranh chấp, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 27-11-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập NH trình bày: Yêu cầu bà Hoàng Thị Mỹ Tr và ông Nguyễn Mạnh T trả số tiền vay tạm tính đến ngày 26-11-2019 là 1.021.942.817đ, trong đó nợ gốc là 1.015.000.000đ, nợ lãi là 6.942.817.000đ. Đồng thời tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc chưa trả tính từ ngày 27-11-2019 cho đến khi trả xong nợ. Đến ngày 26-8-2020, NH có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà Tr và ông T; đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam do đã có đơn xin rút đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của bà Hoàng Thị Mỹ Tr và ông Nguyễn Mạnh T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, đến khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, không tin tưởng nhau về chuyện tình cảm. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, bà Tr và ông T cùng yêu cầu ly hôn, cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Tr và ông T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Tại phiên tòa, bà Tr và ông T thỏa thuận bà Tr nuôi con. Xét thấy thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận; bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3.3] *Về chia tài sản chung:* Bà Tr và ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Đối với yêu cầu độc lập của NH về việc yêu cầu bà Tr và ông T trả nợ. Ngày 26-8-2020, NH có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, nên đình chỉ yêu cầu này.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X về hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung; đề nghị đình chỉ yêu cầu độc lập của NH do đã có đơn xin rút đơn khởi kiện là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; ông T và NH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng cho NH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Mỹ Tr và ông Nguyễn Mạnh T.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mạnh H, sinh ngày 11-3-2011; bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; ông T có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Bà Tr và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của NH về việc yêu cầu bà Tr và ông T trả nợ.

5. *Về án phí*:

- Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0000352 ngày 07-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà Tr đã nộp đủ; ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho NH số tiền tạm ứng án phí là 21.329.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003867 ngày 19-12-2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện X.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiền

